

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 5)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 140/TTr-HĐBT ngày 06/9/2023 và ý kiến

thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại: Tờ trình số 1207/TTr-STNMT ngày 06/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 5) với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là **33.083.896.869 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 32.435.193.009 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 648.703.860 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định (0,2%) là 64.870.000 đồng, đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường: 45.409.000 đồng)

2. Nguồn vốn: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư (Công ty TNHH Phần mềm FPT Quy Nhơn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường và hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB

Các dự án thuộc khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn,

hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BD	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
1	Lê Thị Thu Nguyệt, chồng Trương Ngọc Lập	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	97	1	ODT+BHK	329,8	80,00	249,80	0,0	372.426.000	930.873.555	29.214.400	0	437.150.000	32.500.000	1.802.163.955
2	Võ Ngọn, vợ Đỗ Thị Chút	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	149	1	ODT+BHK	781,1	142,50	611,10	0,0	724.857.000	1.343.284.872	85.398.000	193.859.280	875.000.000	63.748.000	3.286.147.152
3	Đào Tấn Công (chết), vợ Lê Thị Trường	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	96	1	ODT+BHK	718,8	163,30	399,50	156,0	736.482.550	1.198.250.215	84.507.400	246.642.000	699.125.000	36.464.000	3.001.471.165
4	Võ Thị Hết	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	144	1	ODT+BHK	276,9	120,00	156,90	0,0	395.053.000	952.470.736	30.136.700	41.505.120	274.575.000	45.892.000	1.739.632.556
5	Trần Ngọc Hiền, vợ Trịnh Thị Nhiên	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	282	1	ODT+BHK	139,5	80,00	59,50	0,0	268.815.000	292.307.771	5.670.000	26.418.000	104.125.000	32.000.000	729.335.771
6	Trần Dũng, vợ Trần Thị Lệ Thanh	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	143+292	1	ODT+BHK	814,8	220,26	594,54	0,0	903.416.100	1.772.928.026	61.451.800	237.056.040	875.000.000	45.892.000	3.895.743.966

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
7	Trần Thị Bích Hà, chồng Trần Văn Dũng	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	502	1	ODT+BHK	469,7	137,60	332,10	0,0	499.565.000	1.074.932.503	46.794.400	147.452.400	581.175.000	32.500.000	2.382.419.303
8	Huỳnh Văn Nuôi, vợ Lê Thị Thiệt	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	100 +504 +526 +515	1	ODT+BHK	837,6	150,00	687,60	0,0	779.412.000	1.293.549.389	56.094.100	191.284.080	875.000.000	66.748.000	3.262.087.569
9	Trần Thị Quý Hạnh, chồng Lê Văn Dân	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	514	1	ODT+BHK	347,0	80,00	267,00	0,0	345.590.000	377.874.300	40.127.800	78.503.640	467.250.000	45.892.000	1.355.237.740
10	Nguyễn Kim Thanh, vợ Nguyễn Thị Hữu	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	138 +501 +503	1	ODT+BHK	1.286,5	150,00	1.136,50	0,0	945.505.000	2.137.533.258	81.191.600	403.622.640	875.000.000	40.928.000	4.483.780.498
11	Nguyễn Thế Thịnh, vợ Nguyễn Thị Xuân	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	527	1	ODT+BHK	320,2	161,67	158,53	0,0	489.621.950	948.376.364	23.429.200	70.387.320	277.427.500	50.144.000	1.859.386.334
12	Nguyễn Thế Tâm, vợ Tạ Thị Dư	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	140	1	ODT+BHK	401,6	144,93	256,67	0,0	488.185.050	999.415.666	59.453.400	113.961.480	449.172.500	59.284.000	2.169.472.096
13	Đào Văn Hòa, vợ Nguyễn Thị Tuyết Sương	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	104	1	CLN	995,4	0,00	0,00	995,4	162.051.120	503.754.894	182.136.000	369.239.280	0	41.784.000	1.258.965.294

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng	
14	Trần Thị Thúy, chồng Nguyễn Thanh Tâm	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	486	1	LUC	138,0	0,00	0,00	138,0	51.060.000	35.308.624	5.053.000	61.272.000	0	17.856.000	170.549.624	
15	Phan Văn Tích	Tổ 9, KV2, P. Ghềnh Ráng	141	1	NTD	201,2	0,00	0,00	201,2	74.444.000	21.827.068	8.240.000	74.787.360	0	22.320.000	201.618.428	
16	Trần Đình Châu	Tổ 23, KV5, P. Ghềnh Ráng	139	1	ODT+BHK	315,3	0,00	0,00	315,0	51.282.000	238.262.658	46.506.000	0	0	5.000.000	341.050.658	
17	Huỳnh Thị Minh Kiều, con Võ Kiều Minh	P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn	103	1	BHK	802,3	0,00	0,00	802,3	130.614.440	292.191.261	68.325.200	0	0	5.000.000	496.130.901	
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ						9.175,7	1.630,3	4.909,7	2.607,9	7.418.380.210	14.413.141.159	913.729.000	2.255.990.640	6.790.000.000	643.952.000	32.435.193.009
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2% (Ax2%)																648.703.860
C	Tổng cộng (A+B)																33.083.896.869

RDV